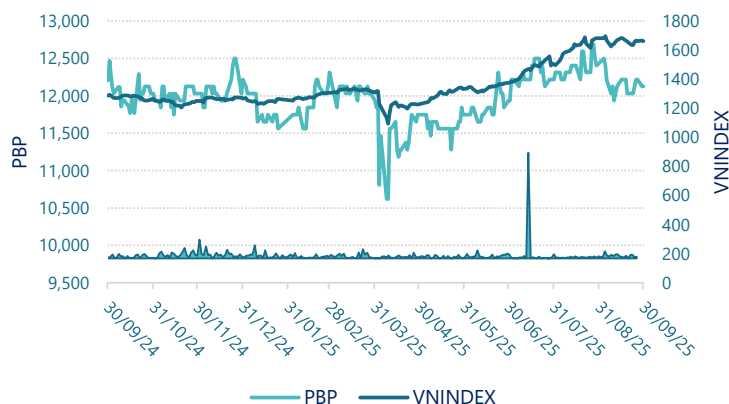


CTCP Bao bì dầu khí Việt Nam (HNX: PBP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	12,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,688
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,620
SL cổ phiếu LH	4,799,516
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,365
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	62
P/E	
EPS	

DT thuần

Q3/25

78.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼15.6| -16.6%

YoY: ▲ 5.90| 8.0%

LN sau thuế

Q3/25

1.90

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.38| -16.8%

YoY: ▼0.81| -30.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

3.3%

+/- YoY: ▼ 1.6%

DT thuần

9T 2025

327

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 111| 51.7%

LN sau thuế

9T 2025

6.22

tỷ VNĐ

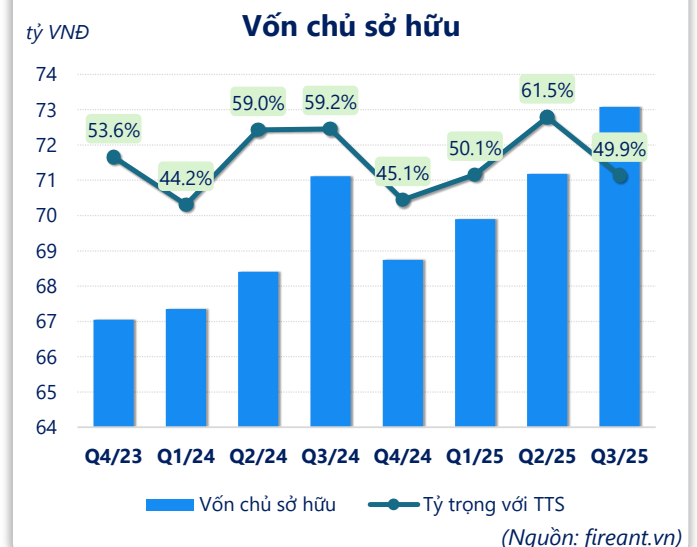
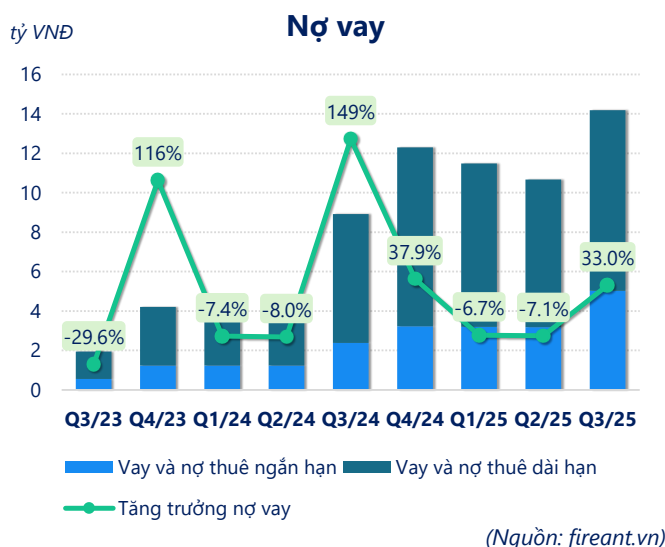
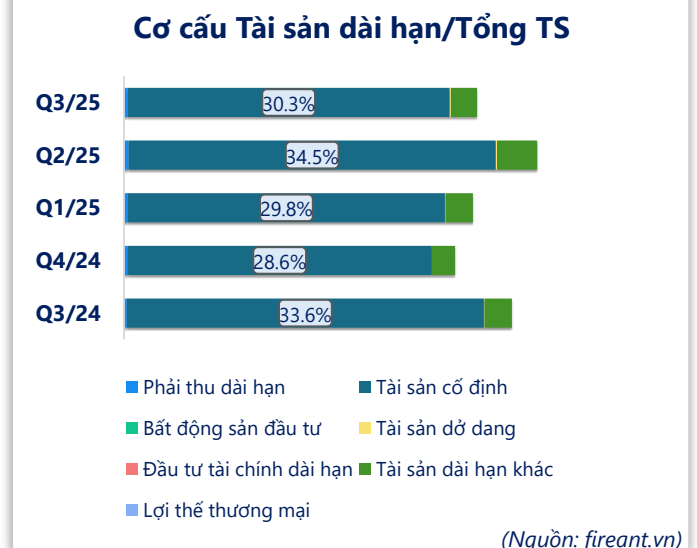
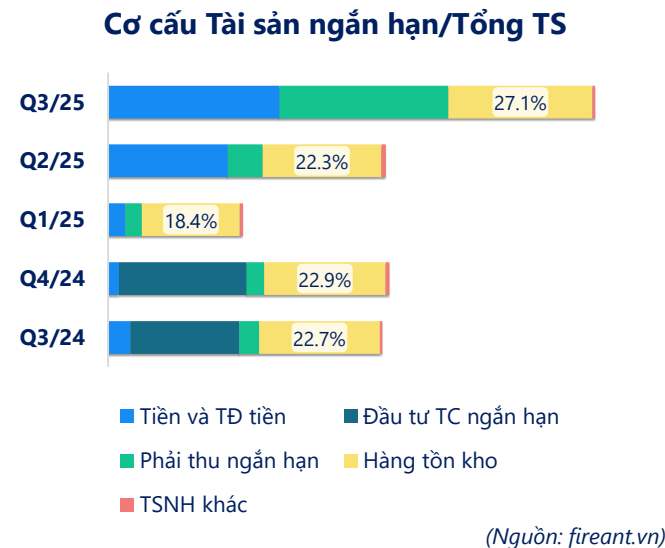
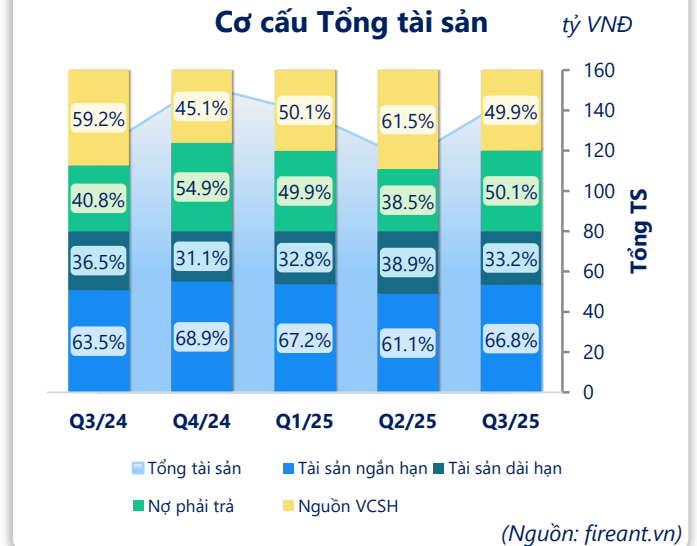
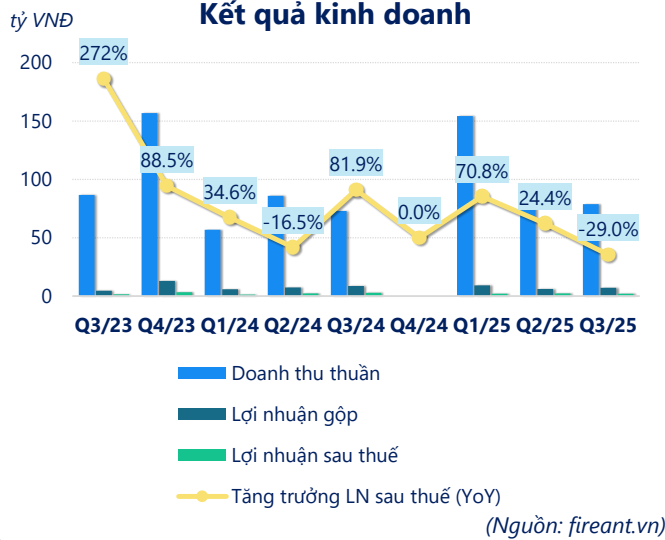
YoY: ▲ 0.03| 0.5%

ROE

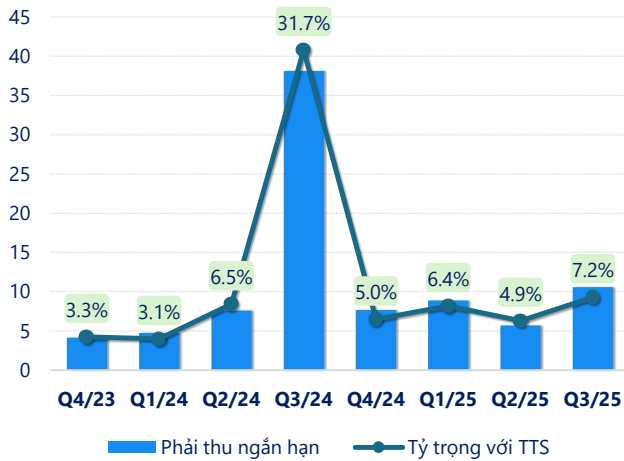
Q3/25

#VALUE!

#VALUE!



tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


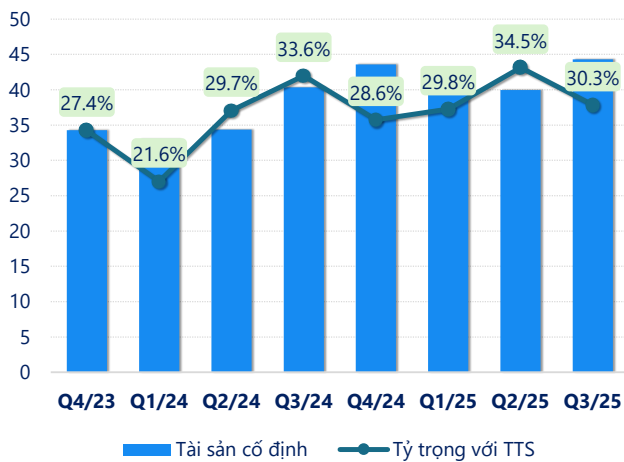
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

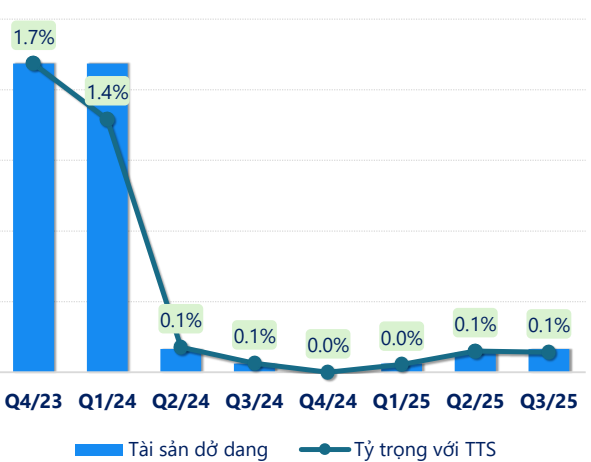

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

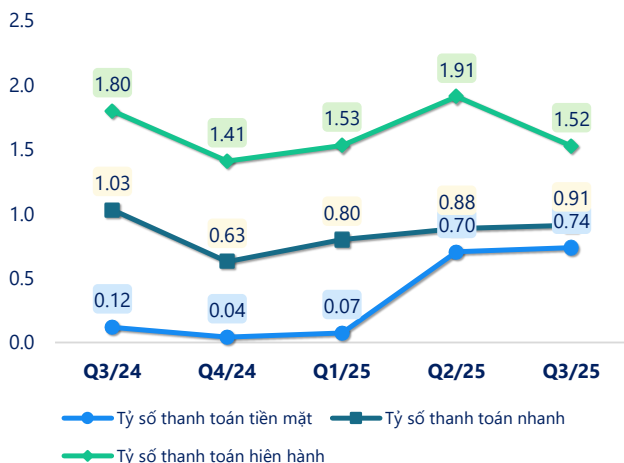
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

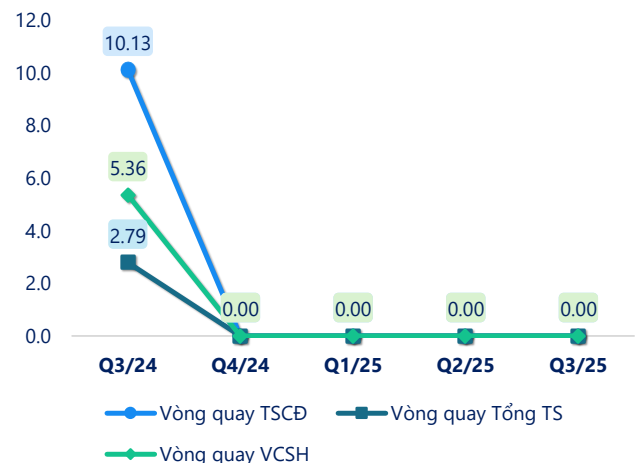
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	120	152	139	116	146
Tài sản ngắn hạn	76.3	105	93.7	70.8	97.7
Tiền và tương đương tiền	5.03	3.12	4.56	26.1	47.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	35.0	35.0	0	0
Phải thu ngắn hạn	38.1	7.66	8.88	5.66	10.6
Hàng tồn kho	32.6	58.2	44.7	38.0	39.4
Tài sản ngắn hạn khác	0.58	0.95	0.48	1.00	0.54
Tài sản dài hạn	43.8	47.4	45.7	45.0	48.6
Phải thu dài hạn	0.31	0.51	0.51	0.51	0.51
Tài sản cố định	40.4	43.6	41.6	39.9	44.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.06	0	0.06	0.14	0.17
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	3.09	3.33	3.59	4.39	3.63
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	49.0	83.6	69.5	44.6	73.2
Nợ ngắn hạn	42.5	74.5	61.2	37.1	64.1
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.39	3.24	3.20	3.18	5.03
Phải trả người bán ngắn hạn	29.1	14.3	29.1	18.9	9.33
Nợ dài hạn	6.53	9.06	8.27	7.49	9.15
Vay và nợ thuê dài hạn	6.53	9.06	8.27	7.49	9.15
Nguồn vốn chủ sở hữu	71.1	68.7	69.9	71.2	73.1
Vốn chủ sở hữu	71.1	68.7	69.9	71.2	73.1
Vốn điều lệ	48.0	48.0	48.0	48.0	48.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)